TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/QĐST-KDTM	*Q, ngày 18 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại số 09/2024/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Q. Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Doanh nghiệp X. Địa chỉ: TDP H, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Chủ doanh nghiệp: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1960.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1964. Đều trú tại: TDP H, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Doanh nghiệp X do ông Nguyễn Hữu T làm chủ doanh nghiệp xác nhận tạm tính đến ngày 10/3/2025, doanh nghiệp còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 2209-LAV-201003444 ngày 20/01/2012 và Giấy nhận nợ số GN2209-LDS-201200322 ngày 20/01/2012 là 10.671.250.000đ (Mười tỷ sáu trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 5.970.000.000đ (Năm tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 2.201.250.000đ (Hai tỷ hai trăm linh một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. Kể từ ngày 11/3/2025, Doanh nghiệp X còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2209-LAV-201003444 ngày 20/01/2012 và Giấy nhận nợ số GN2209-LDS-201200322 ngày 20/01/2012 cho đến khi tất toán khoản vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

T hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì lãi suất mà Doanh nghiệp X phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2.3. Chậm nhất đến ngày 31/01/2026, Doanh nghiệp X phải thanh toán toàn bộ số tiền 10.671.250.000đ (Mười tỷ, sáu trăm bảy mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 11/3/2025 trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2209-LAV-201003444 ngày 20/01/2012 và Giấy nhận nợ số GN2209-LDS-201200322 ngày 20/01/2012 (như nêu tại mục 2.2 ở trên) cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng thực hiện việc giải chấp tài sản bảo đảm của khoản vay.

2.4. Nếu quá ngày 31/01/2026 mà Doanh nghiệp X không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số: 04 ở địa chỉ: Thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Q, tỉnh Hà Tây cũ (nay là thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A994817, số vào sổ cấp GCN: 00816QSDĐ/HT ngày 20/10/1991 cho ông Nguyễn Duy T1, theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba (Gắn liền với quyền sử dụng đất) số 95/2010/HDTC, số công chứng 166 quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/11/2010 tại UBND thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội và Phụ lục hợp đồng số

19/2011/PLHĐ ngày 05/12/2011. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/11/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q, thành phố Hà Nội.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, đang sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

T hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì Doanh nghiệp X vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho đến khi hết nợ.

2.5. Về án phí: Doanh nghiệp X tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 59.335.500đ (Năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 59.070.000đ (Năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0020159 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy